BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 106 /TTr-BTNMT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản

Kính gửi: Chính phủ

Tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 09/02/2023 (phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 01 năm 2023), Chính phủ đã thống nhất trình Quốc hội cho ý kiến đối với Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024). Thực hiện Nghị quyết này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức xây dựng Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản theo đúng quy trình xây dựng dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định và đã có Báo cáo thẩm định số……../BC-BTP ngày…tháng…năm 2024. Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ cho ý kiến đối với dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản trước khi hoàn thiện, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp lần thứ 7 (tháng 5/2024).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở thực tiễn

Sau 13 năm thực hiện Luật Khoáng sản (được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/7/2011), đến nay Quốc hội đã ban hành **01** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (trong đó có quy hoạch khoáng sản), **01** Nghị quyết liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Chính phủ ban hành **12** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành **04** Quyết định; các Bộ, ngành liên quan ban hành hơn **60** Thông tư.

Ngoài ra, để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn nhằm cung ứng kịp thời nguồn vật liệu khi triển khai các công trình, dự án quan trọng của quốc gia, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết có liên quan[1].

[1] Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chủ trương đầu tư dự

Có thể nói, hệ thống văn bản pháp luật về khoáng sản cơ bản đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản; đẩy mạnh điều tra địa chất về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; quản lý khoáng sản ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn.

a) Một số kết quả đạt được

Về công tác điều tra địa chất về khoáng sản: Đến nay, đã hoàn thành 14 đề án lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền trên diện tích 42.550 km^2 (nâng tổng diện tích đã lập đạt **73,19** % diện tích đất liền); phát hiện và ghi nhận nhiều điểm mỏ, trong đó nhiều điểm mỏ đã được làm rõ tiềm năng tài nguyên và được Nhà nước đầu tư thăm dò xác định trữ lượng, như: than đá bể than Quảng Ninh, apatit Lào Cai; khoáng sản phóng xạ, đất hiếm trên địa bàn các tỉnh Quảng Nam, Lai Châu; các mỏ kim loại có quy mô lớn như quặng đồng dải Sin Quyền (Lào Cai), chì-kẽm Chợ Đồn, Chợ Điền (Bắc Kạn), mỏ Niken Bản Phúc (Sơn La), mỏ vàng Bồng Miêu (Quảng Nam) v.v. Kết quả thăm dò, xác định trữ lượng đã được cấp phép khai thác khoáng sản kịp thời, hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế đất nước qua các thời kỳ.

Hoàn thành điều tra địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 đến 1:500.000 trên diện tích hơn 244.000 km^2 vùng biển độ sâu 0-100m nước; 24 đề án đánh giá khoáng sản. Kết quả điều tra, đánh giá đã đăng ký trên bản đồ **841** điểm khoáng sản, khoáng hóa; trong đó phát hiện mới **489** điểm khoáng sản các loại như: quặng sắt ở Tân An (Yên Bái); graphit ở Bảo Thắng (Lào Cai); vàng ở Tân Uyên (Lai Châu), Phước Sơn (Quảng Nam); kaolin - felspat ở Bảo Thắng (Lào Cai), Tân Biên (Tây Ninh); quặng đồng ở Kon Rẫy (Kon Rá, Kon Tum); công tác điều tra, đánh giá khoáng sản đã phát hiện và xác định tài nguyên các khu vực khoáng sản có triển vọng, gồm: đất hiếm ở Bảo Thắng (Lào Cai) và Lai Châu, vàng ở Yên Sơn (Tuyên Quang), đồng ở Bát Xát (Lào Cai), felspat ở Bắc Yên (Sơn La), đá cảnh ở Thanh Sơn (Phú Thọ), cát trắng ở ven biển các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, đá ốp lát ở Gia Lai, cát biển vùng biển Sóc Trăng.... Một số đề án đã điều tra, đánh giá đến độ sâu 500m (than đồng bằng

---

án đường cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; Nghị quyết số 57/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 và Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết: số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022; số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022; số 119/NQ-CP ngày 18/9/2022; số 106/NQ-CP ngày 18/8/2022, số 105/NQ-CP ngày 15/8/2022, số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022, số 90/NQ-CP ngày 25/7/2022 và số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 để triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên của Quốc hội. Đồng thời, Chính phủ theo thẩm quyền cũng đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021, sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 ban hành một số cơ chế đặc thù tháo gỡ khó khăn cho các dự án trọng điểm ngành giao thông

Sông Hồng).

Về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng: Đã có **3.182** giấy phép thăm dò khoáng sản được cấp phép, gồm: **332** giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ TN&MT; **2.850** giấy phép thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh. Đã góp phần gia tăng trữ lượng gần 40 loại khoáng sản, như: đá vôi xi măng gần 1,8 tỷ tấn, than hơn 1,2 tỷ tấn, quặng bauxit gần 900 triệu tấn, đá vật liệu xây dựng thông thường (VLXDTT) gần 1 tỷ m^3, đất sét làm gạch ngói trên 650 triệu m^3, cát, sỏi trên 400 triệu m^3, đá ốp lát khoảng 140 triệu m^3 …).

Đến hết năm 2022, có gần **3.776** giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp đang còn hiệu lực, gồm: **537** giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; **3.239** giấy phép của UBND cấp tỉnh với trên 50 loại khoáng sản khác nhau. Đã hình thành một số cụm công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản tập trung (than, xi măng, sắt - thép, alumin, vonfram, đồng, đá ốp lát...) đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu; nhiều doanh nghiệp đã đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, nhất là đối với than, vonfram - đa kim, xi măng... giảm tiêu hao điện, năng lượng, giảm tổn thất khoáng sản, sử dụng hiệu quả khoáng sản sau khai thác.

b) Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, địa chất là ngành khoa học kỹ thuật tổng hợp, khoa học về trái đất, khi điều tra địa chất về khoáng sản, không chỉ phát hiện khoáng sản mà còn điều tra, đánh giá toàn diện cấu trúc địa chất, điều kiện địa chất. Theo đó, đã làm rõ thông tin, dữ liệu địa chất như: di sản và công viên địa chất; các cấu trúc địa chất thuận lợi để lưu trữ nước, CO_2, chôn lấp chất thải độc hại; về tai biến địa chất và cảnh báo thiên tai; địa chất công trình,... phục vụ các ngành: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp, Du lịch,... quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, Luật Khoáng sản chưa quy định đầy đủ nội dung điều tra cơ bản địa chất như đã nêu trên; chưa quy định nội dung quản lý nhà nước về địa chất, nhất là quản lý thống nhất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành; chưa thống nhất quản lý thông tin, dữ liệu địa chất như Nghị quyết số 10-NQ/TW đã nêu.

Thứ hai, sau 13 năm thực hiện, nhiều quy định của Luật đã bộc lộ những bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, khó khăn khi thực hiện gồm một số vấn đề như: (1) khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng nhất là cát, sỏi lòng sông, đất đá bóc tầng phủ, đất đá thải làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án đầu tư công …; (2) khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính; (3) vấn đề kiểm soát sản lượng khai thác khoáng sản theo từng giấy phép khai thác khoáng sản; (4) vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động địa chất, khoáng

sản; (5) vấn đề cải cách thủ tục hành chính như quy định thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản, nhất là khoáng sản làm VLXDTT, cát, sỏi lòng sông không còn phù hợp; (6) quy định về khu vực cấm/tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia không phù hợp với thực tiễn; (7) quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản chưa chặt chẽ nhằm bảo đảm khoáng sản được khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, theo mô hình "kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn"; (8) quy định thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản quy mô rất nhỏ (đá chẻ, đất sét) chưa hợp lý như phản ánh của cử tri và đại biểu Quốc hội, bảo đảm công khai, minh bạch.

Thứ ba, 13 năm qua, nhiều Luật liên quan đến địa chất, khoáng sản đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới như: Bộ luật Dân sự (2015), Luật Đất đai (2013), Luật Xây dựng (2014, 2020), Luật Đấu giá tài sản (2016), Luật quản lý, sử dụng tài sản công (2017), Luật Bảo vệ môi trường (2020), Luật Đầu tư (2020), Luật Doanh nghiệp (2020), Luật Quy hoạch (2017), Luật Ngân sách nhà nước (2015), Luật Lâm nghiệp (2017), Luật Thủy lợi (2017), Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2015), Luật Đa dạng sinh học (2018). Tuy nhiên, Luật Khoáng sản chưa được sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

2. Căn cứ chính trị, pháp lý

Sau khi Luật Khoáng sản có hiệu lực, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và nhà nước liên quan đến quản lý, bảo vệ tài nguyên, trong đó có tài nguyên khoáng sản, cụ thể:

- Hiến pháp năm 2013 quy định: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Điều 53 Hiến pháp 2013 quy định "*...tài nguyên khoáng sản…là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*" đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Khoáng sản. Đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết[2] với nhiều quan điểm, chính sách về địa chất, khoáng sản cần thể chế hoá.

---

[2] **06** Nghị quyết: (1) số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổ khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; (2) số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (3) số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; (4) số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) số Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 30/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về "Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại".

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 *"Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên..."*.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: "Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường".

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

- Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022.

Đặc biệt, ngày 10/02/2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năn 2045. Đây là căn cứ chính trị quan trọng và là kim chỉ nam định hướng xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản thay thế Luật Khoáng sản nhằm luật hóa các nội dung cần thiết trong quản lý nhà nước đối với hoạt động địa chất, khoáng sản như: (1) quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản địa chất, quan trắc, cảnh báo trong điều tra địa chất, tai biến địa chất, tài nguyên địa chất (tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản, di sản địa chất, công viên địa chất), các điều kiện địa chất khác; (2) thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản phải quản lý tập trung, thống nhất; (3) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất; (4) quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; (5) việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; (6) hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (7) cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản làm VLXDTT phù hợp với thực tế, nhất là cấp phép cho công trình kết cấu hạ tầng, công trình, dự án quan trọng quốc gia hoặc dự án đầu

tư công; (8) hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; (9) xây dựng cơ chế kiểm soát gián tiếp hoạt động khai thác khoáng sản phù hợp để bảo đảm tính công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

Trên cơ sở thực tiễn và cơ sở chính trị nêu trên, Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản được xây dựng mới với mục đích và quan điểm nêu tại mục II và bố cục, nội dung nêu tại mục IV của Tờ trình này.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

a) Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI và Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

b) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là các Luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản; các điều ước và cam kết quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c) Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của Luật Khoáng sản hiện hành đã được tổng kết, đánh giá.

d) Bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả khoáng sản, tính minh bạch trong việc kiểm soát hoạt động khoáng sản và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của ngành địa chất, khoáng sản.

2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Thể chế hoá đầy đủ quan điểm của Nghị quyết số 24-NQ/TW và Nghị quyết số 10-NQ/TW. Theo đó, tài nguyên địa chất, khoáng sản vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa là nguồn dự trữ lâu dài của quốc gia cần phải được điều tra, đánh giá và lập quy hoạch, kế hoạch thăm dò đầy đủ, quản lý tập trung, thống nhất; khai thác, sử dụng bền vững, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

b) Các quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật liên quan; rõ ràng, dễ hiểu và mang tính khả thi cao, thúc đẩy đầu tư, xã hội hóa đi đôi với tăng cường bảo vệ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, khoáng sản, gắn với yêu cầu phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch; cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả;

c) Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp với thực tiễn và các yêu cầu trong quản lý nhà nước về

tài nguyên địa chất, khoáng sản trong tình hình mới.

d) Tạo hành lang pháp lý toàn diện trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản và cộng đồng dân cư nơi có hoạt động khoáng sản.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 27/9/2022 (Nghị quyết phiên họp Chính phủ chuyên đề tháng 9 năm 2022); theo đó, Chính phủ đã thống nhất với 05 chính sách được Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi) gồm: (1) Chính sách về tài nguyên địa chất, khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản; (2) Hoàn thiện chính sách về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản; (3) Hoàn thiện chính sách về khu vực khoáng sản; (4) Hoàn thiện chính sách trong quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản: (5) Hoàn thiện chính sách tài chính về địa chất và khoáng sản. Bên cạnh đó, Chính phủ thống nhất với đề xuất đổi tên dự án Luật thành Luật Địa chất và Khoáng sản.

Thực hiện Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo Luật Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện các hoạt động sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập thành lập theo Quyết định số 476/QĐ-BTNMT ngày 06/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã họp 04 lần theo kế hoạch. Ngoài ra, Bộ đã thành lập các Tiểu ban biên tập chuyên đề về khoáng sản, Tiểu ban biên tập chuyên đề về địa chất, Tiểu ban biên tập chuyên đề về kinh tế địa chất và khoáng sản tại Quyết định số 668/QĐ-BTNMT ngày 23/3/2023.

2. Ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật Địa chất và Khoáng sản tại Quyết định số 965/QĐ-BTNMT ngày 19/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có Văn bản số 6057/BTNMT-KSVN ngày 31/7/2023 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản gửi các Bộ, ngành, địa phương; các Hội nghề nghiệp, Hiệp hội khai thác khoáng sản; Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI); các Tập đoàn, Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Ngoài ra, đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản từ ngày 31/7/2023.

Kết quả lấy ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp đầy

đủ ý kiến của **15** Bộ, ngành; **56** địa phương; **04** doanh nghiệp; **01** Hiệp hội kinh tế môi trường; **01** cá nhân (gửi góp ý trên Công thông tin điện tử Chính phủ).

4. Đã tổ chức **03** Hội thảo tại 03 miền (tại các tỉnh Quảng Ninh, Lâm Đồng và Khánh Hòa) và tổ chức các hội thảo kỹ thuật khác theo chuyên đề của dự thảo Luật. Thông qua các hội thảo này, Bộ đã nhận được nhiều ý kiến góp ý bổ ích.

5. Đã thực hiện việc khảo sát làm việc với các cơ quan, tổ chức tại các tỉnh: Đăk Nông, Lâm Đồng, Bà Rịa- Vùng Tàu, Kiên Giang, Lào Cai, để tham vấn các ý kiến đối với dự thảo Luật.

6. Ngày…. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số….. gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-BTP ngày .../.../2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản.

Hồ sơ gồm:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

- Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản;

- Bản so sánh dự thảo Luật với Luật Khoáng sản năm 2010;

- Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật;

- Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật;

- Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ;

- Bản tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật bám sát vào 05 chính sách đã được Chính phủ trình Quốc hội, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động khoáng sản; thu hồi khoáng sản; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về cơ bản, phạm vi điều chỉnh được giữ nguyên như Luật Khoáng sản năm 2010.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bố cục dự thảo Luật

Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản được xây dựng gồm **118** điều và được bố cục thành **12** chương, tăng **01** chương và **32** điều (so với Luật Khoáng sản năm 2010), tăng 01 chương và giảm **18** điều (so với Đề cương đã được thông qua).

Các chương được sắp xếp, bố cục lại cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10).

Chương II. Chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản, gồm 06 điều (từ Điều 11 đến Điều 16).

Chương III. Điều tra cơ bản địa chất, gồm 06 điều (từ Điều 17 dến Điều 22)

Chương IV. Điều tra địa chất về khoáng sản, gồm 04 điều (từ Điều 23 đến Điều 26)

Chương V. Khu vực khoáng sản; sử dụng hạ tầng, kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản, gồm 13 điều (từ Điều 27 đến Điều 39)

Chương VI. Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản, chế biến khoáng sản, gồm 42 điều (từ Điều 40 đến Điều 81)

Chương VII. Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản, gồm 08 điều (từ Điều 82 đến Điều 89)

Chương VIII Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển, gồm 03 điều (Điều 90 đến Điều 92)

Chương IX. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản, gồm 06 Điều (từ Điều 93 đến Điều 98)

Chương X. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm 12 điều (từ Điều 99 đến Điều 110)

Chương XI. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, gồm 04 điều (từ Điều từ 111 đến Điều 114)

Chương XII. Điều khoản thi hành, gồm 04 điều (từ Điều 115 đến Điều 118)

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

4.1. Chương I. Quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10)

a) Nội dung của Chương này gồm: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3); Chính sách của Nhà nước về địa chất, khoáng sản (Điều 4); Nguyên tắc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản (Điều 5); Hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản (Điều 6); Phân nhóm khoáng sản (Điều 7); Bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác (Điều 8); Quyền lợi, trách nhiệm của địa phương, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác (Điều 9); Những hành vi bị cấm (Điều 10).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010 gồm có:

- Bổ sung mới quy định về: (1) Phân nhóm khoáng sản. Trên cơ sở công dụng và mục tiêu quản lý, phân nhóm khoáng sản để có cách tiếp cận phù hợp từ khâu quy hoạch đến cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, cho phép thu hồi khoáng sản. Trên cơ sở này, quy định phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, cải cách thủ tục hành chính phù hợp với từng nhóm khoáng sản tại các chương khác của dự thảo Luật ; (2) Hội nhập và hợp tác quốc tế; (3) Bổ sung nguyên tắc "Ưu tiên tổ chức, cá nhân đang khai thác hợp pháp được thăm dò xuống sâu và mở rộng để đánh giá đầy đủ, khống chế hết thân khoáng sản đối với loại khoáng sản được cấp phép mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản"; (4) Bổ sung hành vi cấm "Kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp".

- Sửa đổi, bổ sung việc giải thích từ ngữ đối với một số thuật ngữ cho đồng bộ với các quy định của pháp luật.

4.2. Chương II. Chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản, gồm 06 điều (từ Điều 11 đến Điều 16).

a) Nội dung của Chương này gồm: Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng (Điều 11); Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản (Điều 12); Quy hoạch khoáng sản (Điều 13); Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I (Điều 14); Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II (Điều 15); Điều chỉnh quy hoạch khoáng sản (Điều 16).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010 gồm có:

- Sửa đổi tên *Chiến lược khoáng sản* thành *Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng* theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.

- Sửa đổi tên *quy hoạch điều tra địa chất về khoáng sản* thành *quy hoạch*

điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản.

- Sửa đổi, bổ sung theo hướng gộp *quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ* vào nội dung *quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I.* Theo đó, sẽ bãi bỏ 01 quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

4.3. Chương III. Điều tra cơ bản địa chất, gồm 06 điều (từ Điều 17 đến Điều 22)

a) Nội dung của Chương này gồm: Nội dung và trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất (Điều 17); Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế (Điều 18); Điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất (Điều 19); Điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị (Điều 20); Điều tra điều kiện địa chất khác (Điều 21); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoạt động điều tra cơ bản địa chất (Điều 22).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: Nội dung chương này về cơ bản là quy định mới so với Luật Khoáng sản năm 2010.

4.4. Chương IV. Điều tra địa chất về khoáng sản, gồm 04 điều (từ Điều 23 đến Điều 26)

a) Nội dung của Chương này gồm: Nội dung và trách nhiệm của nhà nước trong điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 23); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 24); Nguyên tắc tham gia đầu tư, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 25); Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 26).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: Nguyên tắc tham gia đầu tư, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản.

4.5. Chương V. Khu vực khoáng sản; sử dụng đất, nước, khu vực biển và hạ tầng, kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản, gồm 13 điều (từ Điều 27 đến Điều 39)

a) Nội dung của Chương này gồm: Phân loại khu vực khoáng sản (Điều 27); Khu vực hoạt động khoáng sản, quy hoạch hoạt động khoáng sản (Điều 28); Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Điều 29); Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (Điều 30); Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 31); Khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 32); Điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 33);

Thời gian dự trữ tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 34); Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 35); Thực hiện dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 36); Bồi thường thiệt hại khi dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (Điều 37); Sử dụng đất, khu vực biển, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản (Điều 38); Sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước trong hoạt động khoáng sản (Điều 39).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010:

- Bổ sung mới quy định về: khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản; khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; quản lý khoáng sản trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trên cơ sở Luật hóa Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quản lý khoáng sản tại các khu vực dữ trữ khoáng sản quốc gia. Ngoài ra, đã quy định rõ việc thực hiện dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo hướng làm rõ quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung: một số tiêu chí khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, các nội dung hạn chế hoạt động khoáng sản.

Đã làm rõ loại khoáng sản được khoanh định trong khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (chỉ được áp dụng với khoáng sản nhóm I, nhóm II).

4.6. Chương VI. Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản, chế biến khoáng sản, gồm 42 điều (từ Điều 40 đến Điều 81)

a) Nội dung của Chương này gồm: Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (Điều 40); Điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản (Điều 41); Lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (Điều 42); Lựa chọn diện tích để lập đề án thăm dò khoáng sản (Điều 43); Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Điều 44); Đề án thăm dò khoáng sản (Điều 45); Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 46); Giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 47); Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Điều 48); Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Điều 49); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 50); Quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản (Điều 51); Thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Điều 52); Thẩm quyền công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (Điều 53); Thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (Điều 54); Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản (Điều 55); Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (Điều 56); Khu vực khai thác khoáng sản, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Điều 57); Nguyên tắc cấp giấy phép khai thác

khoáng sản (Điều 58); Giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 59); Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Điều 60); Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Điều 61); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (Điều 62); Kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản (Điều 63); Thiết kế mỏ (Điều 64); Giám đốc điều hành mỏ (Điều 65); Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản (Điều 66); Thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác; kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại và quyết toán khoáng sản (Điều 67); Khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ (Điều 68); Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản (Điều 69); Khai thác tận thu khoáng sản (Điều 70); Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 71); Cấp, gia hạn, điều chỉnh và trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (Điều 72); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 73); Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Điều 74); Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV (Điều 75); Quy định chung về khai thác khoáng sản nhóm IV (Điều 76); Đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV (Điều 77); Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản (Điều 78); Quy định chung về thu hồi khoáng sản (Điều 79); Tổ chức, cá nhân chế biến khoáng sản (Điều 80); Quy định chung về chế biến khoáng sản (Điều 81).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010:

- Những nội dung sửa đổi: (1) Diện tích thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực biển; (2) Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản theo hướng có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt để thăm dò khoáng sản ở các mức sâu khác nhau; có thể thăm dò ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản kèm theo các điều kiện cụ thể; (3) Bổ sung các trường hợp cấp phép không cần quy hoạch; (4) Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thay vì phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

- Bổ sung mới quy định về: (1) Thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng; (2) Sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thăm dò khoáng sản tại một số khu vực; (3) Bổ sung quy định về điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; (4) Đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV; (5) Quy định về thu hồi khoáng sản; (6) Bổ sung quy định về chế biến khoáng sản; (7) Bổ sung quyền của tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản (thăm dò xuống sâu, thăm dò mở rộng; thế chấp quyền khai thác).

4.7. Chương VII. Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản, gồm 08 điều (từ Điều 82 đến Điều 89)

a) Nội dung chương này gồm: Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản (Điều 82); Nội dung bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản (Điều 83); Yêu cầu chung về hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 84); Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 85); Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 86); Thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 87); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 88); Nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Điều 89).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: (1) Quy định để đồng bộ với pháp luật về bảo vệ môi trường; (2) Quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động khai thác khoáng sản; (3) Quy định yêu cầu chung về đóng cửa mỏ khoáng sản; (4) Quy định cụ thể về trường hợp đóng cửa mỏ khoáng sản khi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phá sản hoặc giải thể.

4.8. Chương VIII Quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển, gồm 03 điều (từ Điều 90 đến Điều 92)

a) Nội dung chương này gồm: Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển (Điều 90); Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển (Điều 91); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển (Điều 92).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: Đây là nội dung mới trên cơ sở Luật hóa Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Theo đó, nội dung này quy định theo hướng tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển theo đặc thù của loại hình khoáng sản này.

4.9. Chương IX. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản, gồm 06 Điều (từ Điều 93 đến Điều 98)

a) Nội dung chương này gồm: Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (Điều 93); Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (Điều 94); Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (Điều 95); Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (Điều 96); Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản (Điều 97); Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (Điều 98).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: Nội dung chương này kế thừa quy định về cung cấp, lưu giữ, bảo quản thông tin

dữ liệu điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản đồng thời làm rõ quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp, lưu giữ, bảo quản, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.

4.10. Chương X. Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gồm 12 điều (từ Điều 99 đến Điều 110)

a) Nội dung chương này gồm: Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất và hoạt động khoáng sản (Điều 99); Nguyên tắc xác định hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư (Điều 100); Hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân (Điều 101); Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 102); Phương pháp xác định, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Điều 103); Khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Điều 104); Nguyên tắc đấu giá (Điều 105); Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền đặt cọc (Điều 106); Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá (Điều 107); Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và tổ chức, cá nhân trúng đấu giá (Điều 108); Phương pháp tính, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực trúng đấu giá (Điều 109); Hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá (Điều 110).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: (1) Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo sản lượng khai thác thực tế nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc của pháp luật hiện hành khi tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo trữ lượng (trữ lượng được phê duyệt không bảo đảm tính chính xác tuyệt đối dẫn đến cơ quan quản lý nhà nước phải tính và phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có sự thay đổi về trữ lượng trong quá trình khai thác khoáng sản, gây tốn kém nguồn lực và phát sinh các hệ lụy khác); (2) Bổ sung quy định về hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng giữa các tổ chức, cá nhân; (3) Đồng bộ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoáng sản.

4.11. Chương XI. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, gồm 04 điều (từ Điều 111 đến Điều 114)

a) Nội dung chương này gồm: Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 111); Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Uỷ ban nhân dân các cấp (Điều 112); Thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản (Điều 113); Thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản (Điều 114).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: (1) Bổ sung thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản được thực hiện bằng nguồn ngân sách địa phương; (2) Đẩy mạnh phân cấp trong việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, cho phép thu hồi khoáng sản, xác nhận đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV; (3) Bổ sung thanh tra chuyên ngành về địa chất; (4) Quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp đối với hoạt động bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác.

4.12. Chương XII. Điều khoản thi hành, gồm 04 điều (từ Điều 115 đến Điều 118)

a) Nội dung chương này gồm: Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản (Điều 115); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 116); Hiệu lực thi hành (Điều 117); Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành (Điều 118).

b) Những nội dung sửa đổi, bổ sung so với Luật Khoáng sản năm 2010: (1) Bãi bỏ Điều 8 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; (2) Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; (3) Bãi bỏ mục 31 và sửa đổi, bổ sung tên quy hoạch ngành quốc gia có thứ tự 29, 32 và 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14.

Dự thảo Luật về cơ bản không có quy định nào tạo ra sự phân biệt về giới và nội dung quy định trong dự thảo Luật tương thích với điều ước quốc tế có liên quan về quyền con người (công ước CEDAW) mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Địa chất và Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP, PC, ĐCVN, KSVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quý Kiên